

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Đinh Thị Hoàng Lệ

- Thư ký phiên toà: Nguyễn Kim Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 240/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thanh A, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã X, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Lê B, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện H, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 22 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thanh A trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên chị A với anh Lê B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện H ngày 19/8/2010.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống bên gia đình nhà chồng đến năm 2011 thì thuê nhà trọ sinh sống tại khu phố 8, thị trấn H, huyện H. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Thanh nghi ngờ chị A ngoại tình và cho rằng cháu Nghĩa không phải là con của anh Thanh. Anh Thanh thường xuyên uống rượu và không quan tâm

chăm sóc cho gia đình. Chị A đã về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay; không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị A yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Thanh.

Về con chung: Chị A thừa nhận giữa chị và anh Thanh có 03 con chung là Lê Thị Huỳnh Như, sinh ngày 13/5/2012, Lê Thanh Hậu, sinh ngày 01/8/2014 và Lê Thành Nghĩa, sinh ngày 25/7/2016. Hiện cháu Như và cháu Nghĩa do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu Hậu do anh Thanh chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Như và cháu Nghĩa, đồng ý giao cháu Hậu cho anh Thanh chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định không có.

Tại Bản tự khai ngày 28 tháng 07 năm 2017, bị đơn anh Lê B trình bày:

Anh Thanh thống nhất với lời trình bày của chị A về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì vợ chồng sống chung gia đình cha mẹ ruột anh Thanh đến năm 2011 thì thuê nhà trọ sinh sống tại khu phố 8, thị trấn H, huyện H. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Thanh nghi ngờ chị A ngoại tình, anh Thanh cũng thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay; từ khi sống ly thân đến nay không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị A yêu cầu ly hôn thì anh Thanh đồng ý.

Về con chung: Anh Thanh thừa nhận giữa anh với chị A có 03 con chung là Lê Thị Huỳnh Như, sinh ngày 13/5/2012, Lê Thanh Hậu, sinh ngày 01/8/2014 và Lê Thành Nghĩa, sinh ngày 25/7/2016. Hiện cháu Như và cháu Nghĩa do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Hậu do anh Thanh chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Thanh yêu cầu được nuôi cháu Hậu và cháu Như, đồng ý giao cho cháu Nghĩa chị A chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Thanh thừa nhận không có.

Tại phiên hoà giải ngày 28/7/2017, chị A và anh Thanh đã thoả thuận tự nguyện thuận tình ly hôn; nhưng không thoả thuận được về người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Như, cháu Hậu và cháu Nghĩa sau khi vợ chồng ly hôn, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, chị A giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Thanh, yêu cầu được nuôi cháu Như và cháu Nghĩa sau khi ly hôn; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và đồng ý để anh Thanh tiếp tục nuôi cháu Hậu.

Anh Thanh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A; yêu cầu được nuôi cháu Như và cháu Hậu; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và đồng ý để chị A nuôi cháu Nghĩa. Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền của Tòa án:* Chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê B. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là tranh chấp ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] *Về phạm vi giải quyết của Hội đồng xét xử:* Theo Đơn khởi kiện, Biên bản ghi lời khai và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì các đương sự chỉ tranh chấp về quan hệ hôn nhân, con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung. Căn cứ Khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị A và anh Thanh xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện H ngày 19/8/2010, là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A với anh Thanh là do bất đồng quan điểm sống; anh Thanh nghi ngờ chị A ngoại tình nên thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay; không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên chị A yêu cầu ly hôn thì anh Thanh đồng ý. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị A với anh Thanh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A.

[5] *Về con chung:* Anh Thanh và chị A thừa nhận có 03 con chung là Lê Thị Huỳnh Như, sinh ngày 13/5/2012, Lê Thanh Hậu, sinh ngày 01/8/2014 và Lê Thành Nghĩa, sinh ngày 25/7/2016. Hiện cháu Như và cháu Nghĩa do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu Hậu do anh Thanh chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị A đồng ý để anh Thanh tiếp tục nuôi cháu Hậu và anh Thanh đồng ý để chị A nuôi cháu Nghĩa, nhưng chị A và anh Thanh đều giành quyền được nuôi cháu Như.

[6] Xét thấy, chị A và anh Thanh đều có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì chị A là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Như; mặt khác, cháu Như có giới tính nữ nên cần giao cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Chị A và anh Thanh đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện của đương sự; chị A và anh Thanh không phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] *Về chia tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về nợ chung*: Các đương sự đều trình bày không có nên không đề cập.

[10] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53, 81, 82, 83, 84 và Khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thanh A đối với anh Lê B.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thanh A được ly hôn với anh Lê B.

Về nuôi con chung: Anh Thanh và chị A có 03 con chung là Lê Thị Huỳnh Như, sinh ngày 13/5/2012, Lê Thanh Hậu, sinh ngày 01/8/2014 và Lê Thành Nghĩa, sinh ngày 25/7/2016. Hiện cháu Như và cháu Nghĩa do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Hậu do anh Thanh chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị A được quyền tiếp tục nuôi cháu Như và cháu Nghĩa. Anh Thanh được quyền tiếp tục nuôi cháu Hậu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị A và anh Thanh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên chị A và anh Thanh đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí:

Chị Bùi Thanh A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005273 ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức sang án phí.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã K, huyện H;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương